

Tân mạn chữ nghĩa
Chủ đề: Tiếng Tàu
Tác giả: Minh Di

TỨ MÃ NAN TRUY

Lời giới thiệu:

Kính thưa quý Độc giả các Diễn Đàn,

Chị Mỹ Lan, nguyên là nhà giáo trước 1975, hiện nay Chị và gia đình đang sinh sống tại nước Pháp, thấy ông Hoàng Ngọc Liên, một Huỳnh Trưởng của chúng tôi giảng chữ “tứ” trong câu “TỨ MÃ NAN TRUY” là một giống ngựa hay tên “tứ” nên Chị đã nhờ anh Minh Di “xem lại” coi như thế nào?

Sau đây là một bài viết ngắn của MINH DI để trả lời “thắc mắc” của nhiều độc giả liên quan đến “TỨ MÃ NAN TRUY”, TCDV xin được chuyển lên các Diễn Đàn để mọi người cùng đọc, hầu mở mang thêm kiến thức.

Đăng lần thứ ba ngày 02/9/2023.

- Điều Hợp Viên DD Ngôn–Ngữ–Việt,
- Chủ Nhiệm Tạp Chí Dân Văn.

LÝ TRUNG TÍN



Chị Mỹ Lan kính,

Tôi không được đọc bài viết của ông Hoàng Ngọc Liên nào đó cho nên không rõ ông ta đã căn cứ sách vở nào để nói là chữ “Tứ” là 1 giống ngựa hay tên “Tứ”!

Chữ nghĩa của người Hoa thì cứ lật sách của người Hoa ra, coi họ nói ra làm sao.

Bộ “Khang Hi Tự Điển” giảng chữ “Tứ” như sau:

- “Tứ mã nhất thặng da”.
- “1 chiếc xe (thặng) 4 con ngựa”.

(Tham khảo: Khang Hi Tự Điển. Linh Ký Xuất Bản Hữu Hạn Công Ty (Hương Cảng), 1981).

Từ điển “Từ Nguyên” giảng chữ “Tứ” như sau:

- “Tứ. Cổ đại nhất xa tháo tứ mã, nhân dĩ xưng tứ mã chi xa hoặc xa chi tứ mã”.
- “Tứ. Thời cổ 1 cỗ xe thặng 4 con ngựa, nhân đó mà gọi chiếc xe có 4 ngựa (kéo), hoặc 4 con ngựa của 1 cỗ xe”.

(Tham khảo: Từ Nguyên (Súc ấn Hợp đính Bản). Thương Vụ Ấn Thư Quán (HC), 1987 / Sơ bản).

Từ điển “Từ Hải” giảng:

- “Tứ. Nhất xa tứ mã da”.
- “1 chiếc xe có 4 ngựa (kéo)”.

(Tham khảo: Từ Hải (Hợp đính bản). Trung Hoa Thư Cục (HC), 1983 / trùng ấn).

Chữ “Tứ (xe 4 ngựa)” này còn được mượn để dùng thay chữ “Tu” là số 4:

Bộ “Khang Hi Tự Điển”, ở nghĩa thứ 7 của chữ “Tu”, viết:

- “Tá tác tư, nghĩa là ‘Mượn để chỉ chữ tứ (số 4)’”.

Bộ “Từ Nguyên” dẫn trên, ở nghĩa thứ 3 của chữ “Tu”, viết:

- “Thông Tu, nghĩa là: ‘(Nghĩa) thông với chữ Tứ (số 4)’”.

Chữ “Tứ” là “Xe 4 ngựa” trên đây thấy khá nhiều trong Kinh điển cổ Trung Quốc.

Kinh Thi, phần Trịnh phong, thiên “Thanh Nhân” có câu: “Tứ giới bành bành”.

Chú giải chữ “Tứ” trên đây, Kinh học gia Trịnh Huyền (127–200) thời Đông Hán viết:

- “Tứ, tứ mã da”, nghĩa là: “Tứ, (xe) 4 ngựa”.

(Tham khảo: “Mao Thi Trịnh Thị Tiên” (Thập Tam Kinh Bản). Thượng Hải Thư Điểm, 1997 / Sơ bản).

“4 ngựa” ở đây tức chỉ chiếc xe do 4 con ngựa kéo.

Trải các triều đại sau đó, các Bản chú giải “Kinh Thi” của các học giả tiếng tăm đều giảng chữ “Tứ” nói trên là “xe 4 ngựa”, kể ra đây 1 số Bản:

1. Thi Tập Truyện:

Chu Hi (1130–1200) thời Nam Tống (1127–1279).
Trung Hoa Thư Cục (HC), 1985 / Sơ bản.

2. Mao Thi Truyện Tiên Thông Thích:

Mã Thụy Thần (?–?) đời Thanh (1644–1911). Chú giải.
Trung Hoa Thư Cục (TQ), 1989 / Sơ bản.

3. Thi Kinh Nguyên Thủy:

Phương Ngọc Nhuận (1811–1883) đời Thanh chú giải.
Trung Hoa Thư Cục (TQ), 1986 / Sơ bản.

4. Thi Nghĩa Hội Thông:

Ngô Khải Sinh (?–?) thời Dân Quốc (1911–1949) chú giải.
Trung Hoa Thư Cục (HC), 1961 / Sơ bản.

Sách “Luận Ngữ”:

- “Tề Cảnh công hữu mã thiên tứ” / Luận Ngữ. Quý Thị XVI. 12.
- “Tề Cảnh công có 1,000 cỗ xe 4 ngựa”.

Chú giải chữ “Tứ” trên đây Chu Hi viết:

- “Tứ, tứ mã da”
- “Tứ, (xe thặng) 4 ngựa”.

(Tham khảo Tứ Thư Tập Chú. Luận Ngữ. Thái Bình Thư Cục (HC), 1986 / 7).

Câu “Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy” là 1 tục ngữ của Trung Quốc. Câu này còn được ghi lại là: “Nhất ngôn xuất khẩu, tứ mã nan truy” như trong Cuốn “Tục Ngữ Điển” học giả Hồ Phác An (1878–1947) đã chép.

(Hồ Phác An, Tục Ngữ Điển. Trung Châu Cổ Tịch Xuất Bản Xã, 1991 / Sơ bản).

Ông Hồ Phác An nói rằng câu “Nhất ngôn xuất khẩu tứ mã nan truy” chính xác hơn.

Bộ “Thuyết Uyển” của Lưu Hướng (77 – 06 tr. Cn) thời Tây Hán nói:

- “Nhất ngôn nhi phi tứ mã bất năng truy, nhất ngôn bất cấp tứ mã bất năng cập”.

(Thuyết Uyển. Qu. XVI. Thuyết Tùng.)

– “1 lời nói ra mà sai thì 4 con ngựa cũng không đuổi kịp, 1 lời nói (dầu) không cấp thiết (nhưng) 4 con ngựa cũng không theo kịp”.

(Tham khảo: “Thuyết Uyển” (Hán Ngữ Tùng Thư Bản), Cát Lâm Đại Học Xuất Bản Xã 1992 / Sơ bản)

Minh Di:

– Chữ “Tứ” trong đoạn trên là chữ “Tu” nghĩa là “4”).

– Thiên “Thuyết Tùng” dẫn trên có Bản ghi là “Đàm Tùng”.

Đoạn trên ý nói 1 lời đã nói ra thì dầu sai, dầu đúng cũng không thể nào lấy lại được.

Viết cũng vậy! Vậy mà người ta vẫn cứ viết, cứ suy đoán lung tung khi đặt viết xuống!

Cũng một ý như câu “nhất ngôn xuất khẩu...”, “nhất ngôn ký xuất...” sách “Luận Ngữ” nói gọn hơn:

– “Phu tử chi thuyết, quân tử dã, tứ bất cập thiết”. (Luận Ngữ. Nhan Uyên XII. 8)

– “Thầy nói, (với) người quân tử thì (một) lời nói ra xe 4 ngựa cũng không theo kịp”.

Dẫn Kinh điển, sử sách Trung Quốc về chữ “Tứ” là “xe 4 ngựa” này thì nhiều vô số, tôi chỉ dẫn 1 số, đủ cho thấy ông Hoàng Ngọc Liên đã sai khi nói “Tứ” là 1 giống ngựa hay, chạy rất nhanh!

Tóm lại, tôi thấy vấn đề không có gì phải tranh luận ở đây, Kinh điển, sử sách Trung Hoa đã ghi rành rành ra đó! “Tứ” là “xe 4 ngựa”, chẳng có gì phải tranh cãi hết!

Phản ông Nguyễn Phước Đáng, ông hiểu chữ “Tứ ở đây là ‘xe 4 ngựa’” thì đúng – có điều ông thêm cái đuôi để viết rằng “Tứ “ là “xe 4 ngựa của vua ngự” thì không hẳn vậy, vì rằng Kinh điển, Sử sách Trung Quốc không xác định “Tứ” là xe của “vua ngự”, hay là của quan tướng ngồi. Và như vậy, có thể là cả 2.

Ông Hoàng Ngọc Liên đọc 1 cuốn sách Việt ngữ nào đó, sách này sai nhưng vì không tra cứu được ông lại tưởng là đúng cho nên mới giảng chữ “Tứ” là giống ngựa hay tên “Tứ”.

Kính thư,

Minh Di
21 tháng 9 năm 2007.



Nguồn: Internet eMail by **Lý Trung Tín** chuyển